

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**  
---□□□---



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành: BẢO HIỂM**

**Mã số: 7340204**

*(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

**Hà nội - 2022**

# MỤC LỤC

<b>1. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....</b>	<b>2</b>
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	2
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	3
<b>2. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....</b>	<b>3</b>
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường.....	3
2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa .....	4
<b>3. Chuẩn đầu ra.....</b>	<b>5</b>
3.1. Kiến thức .....	5
3.2. Kỹ năng .....	6
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....	7
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	8
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.....	9
<b>4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo .....</b>	<b>9</b>
<b>5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....</b>	<b>9</b>
5.1 Thông tin tuyển sinh.....	9
5.2. Điều kiện tốt nghiệp .....	9
<b>6. Phương pháp giảng dạy và học tập .....</b>	<b>10</b>
<b>7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá .....</b>	<b>11</b>
7.1. Các hình thức đánh giá.....	11
7.2 Điểm đánh giá học phần.....	11
<b>8. Cấu trúc chương trình đào tạo .....</b>	<b>13</b>
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:.....	13
8.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	13
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến .....	16
<b>9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra.....</b>	<b>19</b>
<b>10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo.....</b>	<b>23</b>
<b>11. Mô tả tóm tắt học phần .....</b>	<b>24</b>
<b>12. Đối sánh chương trình đào tạo .....</b>	<b>38</b>
12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam .....	38
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo .....	39
<b>13. Hướng dẫn thực hiện .....</b>	<b>47</b>
13.1. Nguyên tắc chung.....	47
13.2. Kế hoạch đào tạo .....	48

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

### **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo cử nhân Bảo hiểm được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo Cử nhân Bảo hiểm có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, thái độ lao động và sức khỏe tốt, có tinh thần xã hội cao, nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và xã hội nhân văn. Có trình độ về công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và tài chính, bảo hiểm; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm. Bên cạnh đó, cử nhân Bảo hiểm có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo các vị trí công việc.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Được xây dựng trên các giáo trình về tài chính, bảo hiểm từ các trường đại học hàng đầu quốc tế và được thay đổi, bổ sung, cập nhật thường xuyên để phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam nhưng vẫn giới thiệu được những kiến thức tiên tiến trên thế giới

100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành đã học tập hoặc được đào tạo trong lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực tài chính, bảo hiểm. Đội ngũ giảng viên cơ hữu giàu kinh nghiệm giảng dạy và thực tế. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến lấy người học là trung tâm.

Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, bảo hiểm, cử nhân Bảo hiểm còn được đào tạo thành thạo kỹ năng thực hành, có khả năng sáng tạo, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm. Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đào tạo người học khả năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng phối hợp làm việc

nhóm và kỹ năng giao tiếp trong công việc. Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp. Có kế hoạch không ngừng học hỏi, trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.

## 1.2. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1	Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Bảo hiểm
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Bảo hiểm
4	Mã số:	7340204
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	...../...../.....

## 2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

### 2.1. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

#### 2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

#### 2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

### 2.1.3 Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

### 2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

## 2.2 SỨ MẠNG, TÂM NHÌN CỦA KHOA

### 2.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện, người tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khoẻ, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng phải nắm vững kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng

### 2.2.2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.2.2.1 Về kiến thức

MT1: Đào tạo người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, ngoại ngữ và tin học. Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và tài chính ngân hàng; Cử nhân Bảo hiểm có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm gồm: các quy trình quản lý, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; Quy trình khai thác, ký kết, quản lý hợp đồng bảo hiểm thương mại; Giám định tổn thất, bồi thường thiệt hại và định phí phẩm bảo hiểm; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

#### 2.2.2.2 Về kỹ năng

MT2: Đào tạo người học thành thạo kỹ năng thực hành, có khả năng sáng tạo, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm. Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn,

ng nghiệp vụ. Có năng lực ngoại ngữ tin học và các kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu nhân sự ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường.

MT3: Đào tạo người học khả năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng phối hợp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong công việc.

#### 2.2.2.3. Về thái độ

MT4: Giúp người học xác định nghề nghiệp rõ ràng, chủ động đề xuất các giải pháp về chuyên môn trong lĩnh vực Bảo hiểm.

MT5: Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp. Có kế hoạch không ngừng học hỏi, trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.

#### 2.2.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

### 3. CHUẨN ĐẦU RA

#### 3.1. KIẾN THỨC

- CĐR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực

- CĐR2: Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

- CĐR3: Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.

- CĐR4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT – BTTTT)



- CDR5: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.
- CDR6: Có khả năng hiểu, giải thích, phân tích các hiện tượng kinh tế, quy luật kinh tế, các chính sách kinh tế. Có khả năng thu thập và xử lý, phân tích số liệu thống kê kinh tế, hiểu và vận dụng nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và quản trị doanh nghiệp.
- CDR7: Hiểu các nguyên lý, kiến thức về tài chính, tiền tệ, bảo hiểm; ngân hàng; hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; có khả năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế.
- CDR8: Hiểu và phân tích, đánh giá các hoạt động cơ bản lĩnh vực bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ....
- CDR9: Áp dụng và phân tích những vấn đề thực tiễn các kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính và bảo hiểm toàn cầu, hoạt động quản lý rủi ro bằng bảo hiểm trong các doanh nghiệp.
- CDR10: Có khả năng đánh giá, phân tích, xây dựng quy trình đối với các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực bảo hiểm ...
- CDR11: Phân tích và lập kế hoạch hoạt động quản trị nghiệp vụ, tài chính, đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, hoạt động tư vấn quản trị rủi ro – hoạch định tài chính cho các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế – xã hội..

## **3.2. KỸ NĂNG**

### *3.2.1. Kỹ năng cứng*

- CDR12: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư.
- CDR13: Kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc, nghiên cứu các vấn đề cơ bản và chuyên sâu liên quan tới chuyên môn và ra quyết định trong hoạt động quản trị tại các đơn vị trong ngành Bảo hiểm.

- CĐR14: Áp dụng tốt kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin chuyên ngành làm cơ sở để ra các quyết định tài chính, bảo hiểm...; có khả năng hoàn thành tốt các công việc chuyên môn khác.

### 3.2.2. Kỹ năng mềm

- CĐR15: Kỹ năng giao tiếp: Thành thạo kỹ năng giao tiếp, tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công;

- CĐR16: Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe;

- CĐR17: Kỹ năng tư duy, làm việc độc lập: có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập; có kỹ năng quản lý thời gian và quản trị công việc.

- CĐR18: Kỹ năng làm việc theo nhóm: có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm;

- CĐR19: Khả năng sử dụng tin học và ngoại ngữ lĩnh vực Bảo hiểm.

### 3.3. NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

- CĐR20: Có tư duy sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- CĐR21: Có khả năng nghiên cứu khoa học; tự học hỏi; có năng lực phán xét, phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học, phù hợp pháp luật;

- CĐR22: Trách nhiệm nghề nghiệp: Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ.



- CDR23: Trách nhiệm xã hội: Có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

### **3.4. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Bảo hiểm có thể đảm nhiệm công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, các tổ chức tín dụng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hỗ trợ bảo hiểm, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài nước.

#### **- Tại các công ty bảo hiểm:**

**Vị trí:** Tư vấn viên bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, chuyên viên giám định bảo hiểm, chuyên viên giám sát...

**- Tại khối các các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như:** Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp;

**Vị trí:** Chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...và các vị trí chuyên môn khác về kinh tế, tài chính, bảo hiểm.

**- Tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng:** Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính;...và các tổ chức tài chính quốc tế...

**Vị trí:** chuyên viên định phí bảo hiểm, chuyên viên giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chuyên viên thẩm định bảo hiểm, chuyên viên quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro, giám định tổn thất, giám định bồi thường,...

**- Tại khối các doanh nghiệp:** Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia...

**Vị trí:** chuyên viên tài chính, chuyên viên kế toán phụ trách bảo hiểm...

**- Tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn:** học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập...

**Vị trí:** giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, tư vấn viên...

### 3.5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học;

Có khả năng học tiếp thuận tiện các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp trong nước và quốc tế,...

### 4. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR)																						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
MT1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x												
MT2												x	x	x	x	x	x	x	x				
MT3												x	x	x	x	x	x	x	x				
MT4																				x	x	x	x
MT5																				x	x	x	x
MT6				x																			
MT7				x	x																		

### 5. TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

#### 5.1 THÔNG TIN TUYỂN SINH

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Năm 2022, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có 04 phương thức tuyển sinh:

- 1) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng
- 2) Phương thức 2: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT
- 3) Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT
- 4) Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức.

## 5.2. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;
- đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

## 6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa... đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm....

*Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học*

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Giảng dạy thực hành						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu/ Xử	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
lý tính hướng																							
Đặt vấn đề/ Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Làm việc nhóm																		x					
Thực hành						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

### 7.1. CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập
- Đánh giá theo hình thức tự luận
- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
- Đánh giá theo hình thức vấn đáp
- Đánh giá theo hình thức thực hành

### 7.2 ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
  - + Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận
  - + Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.
- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

*(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):*

\* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

\* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

\* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

\* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

\* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

\* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

*(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):*

\* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

\* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

\* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.



\* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.

\* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.

\* Nghỉ học từ 50% trở lên:0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

## 8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 8.1. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: 136 TÍN CHỈ (CHƯA BAO GỒM KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT (4TC) VÀ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (chiếm 27,3%)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (chiếm 72,7%)
  - Phần lý thuyết 68 tín chỉ (chiếm 49,7%)
  - Phần thực hành, thực tập, đồ án 21 tín chỉ (chiếm 16,8%)
  - Khóa luận tốt nghiệp 9 tín chỉ (chiếm 6,3%)

### 8.2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
				(LT,TH/TL, Tự học)	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)</b>			<b>38</b>		
	<b>1.1. Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>		
001535	1. Triết học Mác-lê-nin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>		<b>2</b>		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	<b>1.3. Nhân văn - Nghệ thuật</b>		<b>0</b>		
	<b>1.4. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học</b>		<b>6</b>		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
				(LT,TH/TL, Tự học)	
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36,18,90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36,18,90)	x
	<b>1.5. Ngoại ngữ</b>		<b>16</b>		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	<b>1.6. Kiến thức bổ trợ</b>		<b>3</b>		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002337	2. Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	TCNH-BH	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	<b>1.7. Giáo dục thể chất</b>	<b>GDTC</b>	<b>4</b>		<b>x</b>
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	<b>1.8. Giáo dục quốc phòng</b>	<b>GDQP</b>	<b>8</b>		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
	<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)</b>		<b>98</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>23</b>		
	<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>		<b>18</b>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000568	3. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001717	5. Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001109	6. Tài chính - Tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001957	7. Nguyên lý bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
	<b>2.1.1. Kiến thức tự chọn</b>		<b>5</b>		
000567	8. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001153	9. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001743	10. Thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	
001195	11. Kinh tế lượng	DLKS	3	(39,12,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)		Ghi chú
	<b>2.2. Kiến thức chung của ngành</b>		<b>50</b>			
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		<b>44</b>			
000531	1. Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
000913	2. Tiểu luận 1	TCNH-BH	2	(0,120,0)		x
000524	3. Ngân hàng thương mại	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
001394	4. Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH-BH	3	(0,90,90)		x
001112	5. Thực hành: Ngân hàng thương mại	TCNH-BH	3	(0,90,90)		x
002338	6. An sinh xã hội	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
001393	7. Thị trường chứng khoán	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002339	8. Bảo hiểm nhân thọ	TCNH-BH	3	(26,8,60)		x
002340	9. Bảo hiểm phi nhân thọ	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002341	10. Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
000533	11. Tài chính quốc tế	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002342	12. Bảo hiểm hàng hải	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002343	13. Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ	TCNH-BH	3	(0,90,90)		x
001588	14. Bảo hiểm thương mại	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
001583	15. Bảo hiểm xã hội	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>	<b>6</b>				
002344	1. Quản trị kinh doanh bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002345	2. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
001293	3. Đầu tư tài chính	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
001593	4. Định giá tài sản	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
001111	5. Tài chính công	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
001294	6. Thẩm định tín dụng	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
001295	7. Thị trường công cụ phái sinh	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
001597	8. Lập và phân tích dự án đầu tư	TCNH-BH	3	(39,12,90)		
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>25</b>				
002346	1. Tái bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002347	2. Thực hành: Bảo hiểm xã hội	TCNH-BH	3	(0,90,90)		x
001594	3. Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	TCNH-BH	2	(0,120,0)		x
002348	4. Quản trị rủi ro bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)		x
002349	5. Thực Tập Cuối Khóa - BH	TCNH-BH	5	(0/300/0)		x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
				(LT,TH/TL, Tự học)	
002350	6. Khóa luận tốt nghiệp - BH	TCNH-BH	9	(0/540/0)	
002351	7. HPTT1: Giám định bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
002352	8. HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001584	9. HPTT3: Định phí bảo hiểm	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x

### 8.3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

Số TT	Học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
<b>Học kỳ 1 (15 TC)</b>			
1	Triết học Mác-Lênin	Lý thuyết	3
3	Pháp luật đại cương	Lý thuyết	2
4	Giáo dục thể chất 1	GDTC	1
5	Nguyên lý thống kê	Lý thuyết	2
6	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	2
7	Xác suất thống kê	Lý thuyết	3
<b>Học kỳ 2 (20 TC)</b>			
8	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Lý thuyết	2
9	Quản trị doanh nghiệp	Lý thuyết	3
10	Tiếng Anh 1	Lý thuyết	4
11	Giáo dục thể chất 2	GDTC	1
12	Luật kinh tế	Lý thuyết	2
13	Lý thuyết hạch toán kế toán	Lý thuyết	3
14	Tài chính - Tiền tệ	Lý thuyết	3
15	Kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	2
<b>Học kỳ 3 (22 TC)</b>			
16	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lý thuyết	2
17	Toán ứng dụng trong kinh tế	Lý thuyết	2
18	Tiếng Anh 2	Lý thuyết	4

Số TT	Học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
19	Kỹ năng nhận thức bản thân	Lý thuyết	1
20	Kế toán doanh nghiệp	Lý thuyết	3
21	Tài chính doanh nghiệp 1	Lý thuyết	3
22	Giáo dục thể chất 3	Lý thuyết	1
23	An sinh xã hội	Lý thuyết	3
24	Nguyên lý bảo hiểm	Lý thuyết	3
<b>Học kỳ 4 (21 TC)</b>			
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết	2
26	Tiếng Anh 3	Lý thuyết	4
27	Giáo dục thể chất 4	GDTC	1
28	Bảo hiểm thương mại	Lý thuyết	3
29	Ngân hàng thương mại	Lý thuyết	3
30	Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1	Thực hành	3
31	Tiểu luận 1	Thực hành	2
32	Bảo hiểm xã hội	Lý thuyết	3
<b>Học kỳ 5 (22 TC)</b>			
33	Kỹ năng nghề nghiệp - Bảo hiểm	Lý thuyết	1
34	Tiếng Anh 4	Lý thuyết	4
35	Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3
36	Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2
37	Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1
38	Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2
39	Thực hành: Ngân hàng thương mại	Thực hành	3
40	Bảo hiểm nhân thọ	Lý thuyết	3
41	Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	Lý thuyết	3
<b>Học kỳ 6 (15 TC)</b>			
42	Thị trường chứng khoán	Lý thuyết	3



<b>Số TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Loại học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
43	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Lý thuyết	3
44	Bảo hiểm phi nhân thọ	Lý thuyết	3
45	Bảo hiểm hàng hải	Lý thuyết	3
47	Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ	Thực hành	3
<b>Học kỳ 7 (17 TC)</b>			
49	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lý thuyết	2
50	Kỹ năng Phòng vấn xin việc	Lý thuyết	1
51	Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	Thực hành	2
52	Tài chính quốc tế	Lý thuyết	3
53	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Lý thuyết	3
54	Tái bảo hiểm	Lý thuyết	3
55	Thực hành: Bảo hiểm xã hội	Thực hành	3
<b>Học kỳ 8 (17 TC)</b>			
<b>Module Tài chính doanh nghiệp</b>			
57	Thực tập cuối khóa	Doanh nghiệp	5
58	Quản trị rủi ro bảo hiểm	Lý thuyết	3
59	Khóa luận tốt nghiệp		9
60	HPTT1: Giám định bảo hiểm	Lý thuyết	3
61	HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm	Lý thuyết	3
62	HPTT3: Định phí bảo hiểm	Lý thuyết	3

## 9. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																						
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)									Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973)1-5		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
	1. Triết học Mac-Lênin	4	4																					
	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	4	4																					
	3. CNXH Khoa học	4	4																					
	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh		4																					
	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		4																					
	6. Pháp luật đại cương		4																					
	7. Xác suất thống kê		4																					
	8. Toán ứng dụng trong kinh tế		4																					
	9. Tiếng Anh 1					4																		
	10. Tiếng Anh 2					4																		
	11. Tiếng Anh 3					4																		
	12. Tiếng Anh 4					4																		
	13. Kỹ năng nhận thức bản thân															3	3	3	3					
	14. Kỹ năng nghề nghiệp - BH				4											3	3	3	3					
	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc															3	3	3	3					
	16. Giáo dục thể chất 1			4																				
	17. Giáo dục thể chất 2			4																				

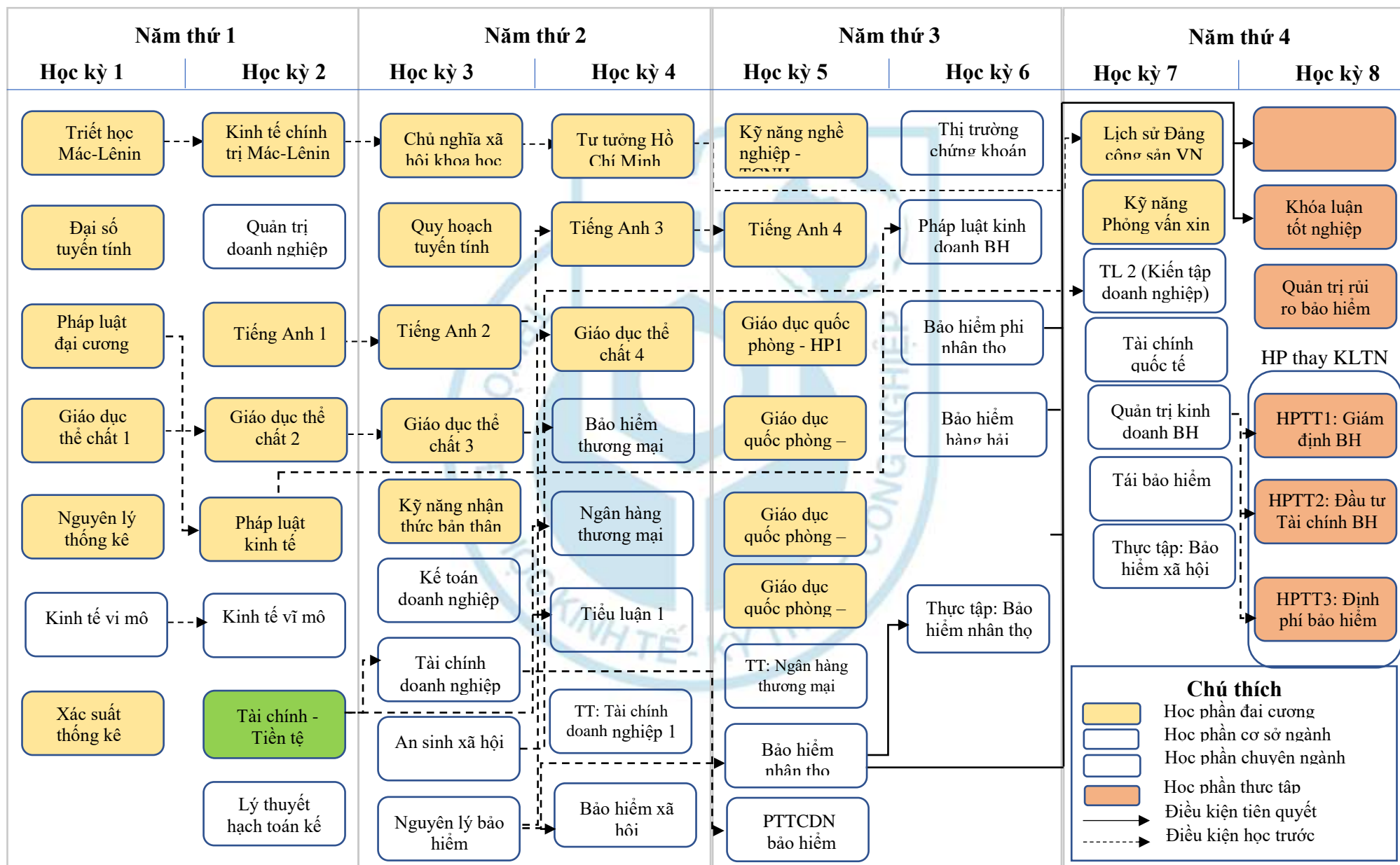
TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																						
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)									Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973)1-5		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
	18. Giáo dục thể chất 3			4																				
	19. Giáo dục thể chất 4			4																				
	20. Giáo dục quốc phòng - HP1			4																				
	21. Giáo dục quốc phòng - HP2			4																				
	22. Giáo dục quốc phòng - HP3			4																				
	23. Giáo dục quốc phòng - HP4			4																				
	24. Kinh tế vi mô						4	4	4	4	4	4												
	25. Kinh tế vĩ mô						4	4	4	4	4	4												
	26. Pháp luật kinh tế						4	4	4	4	4	4												
	27. Lý thuyết hạch toán kế toán						4	4	4	4	4	4												
	28. Kế toán doanh nghiệp						4	4	4	4	4	4												
	29. Tài chính - Tiền tệ						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	30. Nguyên lý bảo hiểm						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	31. Nguyên lý thống kê						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	32. Quản trị doanh nghiệp						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	33. Tài chính doanh nghiệp 1						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	34. Tiểu luận 1						4	4	4	4	4	4	3	3	3									
	35. Ngân hàng thương mại						4	4	4	4	4	4	3	3	3						3	3	3	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																						
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)									Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973)1-5		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
	36. Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	37. Thực hành: Ngân hàng thương mại					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	38. An sinh xã hội					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	39. Thị trường chứng khoán					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	40. Bảo hiểm nhân thọ					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	41. Bảo hiểm phi nhân thọ					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	42. Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm				4	4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	43. Tài chính quốc tế					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	44. Bảo hiểm hàng hải					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	45. TH Bảo hiểm nhân thọ					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	46. Bảo hiểm thương mại					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	47. Bảo hiểm xã hội					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	48. Quản trị kinh doanh bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	49. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	50. Tái bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	51. TH Bảo hiểm xã hội					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	52. Tiểu luận 2					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3
	53. Quản trị rủi ro bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																							
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)									Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973)1-5			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	
	54. Lập và phân tích dự án đầu tư					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	
	55. Thực Tập Cuối Khóa					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	
	Khóa luận tốt nghiệp					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	
	56. HPTT1: Giám định bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	
	57. HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	
	58. HPTT3: Định phí bảo hiểm					4	4	4	4	4	4	3	3	3							3	3	3	3	



## 10. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



## **11. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN**

### **Kiến thức giáo dục đại cương (39 TC)**

#### **1. Triết học Mac-Lênin**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(33,24,45,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

#### **2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

#### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

#### **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh.

### **5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **6. Pháp luật đại cương**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.

### **7. Xác suất thống kê**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Xác suất thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

### **8. Toán ứng dụng trong kinh tế**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36,18, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán ứng dụng trong kinh tế là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành khối Kinh tế, đặc biệt quan trọng trong các ngành điều khiển kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các bài toán quy hoạch tuyến tính, các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, quy hoạch

tuyên tính đối ngẫu, bài toán toán vận tải và thuật toán thế vị, lý thuyết sơ đồ mạng và ứng dụng trong việc quản trị dự án theo thời gian

### **10. Tiếng anh 1**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(48, 24, 60, 120)

- *Học phần tiên quyết:* Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 200$

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

### **11. Tiếng anh 2**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(48, 24, 60, 120)

- *Học phần tiên quyết:* Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 275$

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

### **12. Tiếng anh 3**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(48, 24, 60, 120)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần tiên quyết:* Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 350$

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

### **13. Tiếng anh 4**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4(48, 24, 60, 120)

- *Học phần tiên quyết:* Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 425$

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

### **14. Kỹ năng nhận thức bản thân**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(15, 0, 15, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nhận thức bản thân là Học phần cung cấp các kiến thức về tự nhận thức bản thân là khả năng hiểu rõ chính xác bản thân mình, biết mình cần gì, muốn gì, đâu là điểm mạnh và điểm yếu của mình, nhận thức được tư duy và niềm tin của mình, cảm xúc và những động lực thúc đẩy cá nhân.

### **15. Kỹ năng nghề nghiệp – BH**

**Số TC: 1**



- *Phân bố thời gian học tập*: 1(12, 6, 15, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kỹ năng nghề nghiệp – BH cung cấp các kiến thức, kỹ năng hữu ích cho SV ngành Bảo hiểm: Kỹ năng tư vấn, kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng bán hàng...

### **16. Kỹ năng phỏng vấn xin việc**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 15, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kỹ năng phỏng vấn xin việc cung cấp các kỹ năng hữu ích cho SV giúp sinh viên có thể hoàn thành tốt các buổi phỏng vấn, xin việc của mình: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý thời gian...

### **17. Giáo dục thể chất 1**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(0, 30, 15, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

### **18. Giáo dục thể chất 2**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(0, 30, 15, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

### **19. Giáo dục thể chất 3**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(0, 30, 15, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có



- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất 3 (Karate 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản của môn Karate qua đó sinh viên sẽ biết lợi ích tác dụng của tập luyện Karate

#### **20. Giáo dục thể chất 4**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(0, 30, 15, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất 4 (Karate 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở khoa học của môn Karate; Vai trò, ý nghĩa, đặc điểm phân cấp của môn Karate. Sinh viên được trang bị kỹ thuật tay cơ bản nâng cao hơn so với học phần 1.

#### **21. Giáo dục quốc phòng 1**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(37, 16, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

#### **22. Giáo dục quốc phòng 2**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(22, 16, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

#### **23. Giáo dục quốc phòng 3**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(7, 16, 15, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp

#### **24. Giáo dục quốc phòng 4**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(4, 52, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự

#### **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (104 TC)**

#### **25. Kinh tế vi mô**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

#### **26. Kinh tế vĩ mô**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vĩ mô là học trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

#### **27. Pháp Luật kinh tế**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Luật kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính- Ngân hàng. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Pháp luật đại cương học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh

## **28. Lý thuyết hạch toán kế toán**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lý thuyết hạch toán kế toán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong DN.

## **29. Kế toán doanh nghiệp**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.

## **30. Tài chính tiền tệ**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính.

## **31. Nguyên lý bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nguyên lý bảo hiểm là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và sử dụng quỹ bảo hiểm, với 2 hình thức: Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.

### **32. Nguyên lý thống kê**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nguyên lý thống kê trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê: nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

### **33. Quản trị doanh nghiệp**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Quản trị doanh nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản khái quát về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đi sâu vào vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: Quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính, quản trị vật tư và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.

### **34. Tài chính doanh nghiệp 1**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính doanh nghiệp 1 là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về tài chính của doanh nghiệp như công tác lập kế hoạch huy động các loại vốn; các quyết định đầu tư; lập kế hoạch chi phí, giá thành; kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận; các căn cứ và giải pháp tài chính trong quá trình sản xuất, hợp nhất và phá sản doanh nghiệp và kế hoạch hóa tài chính trong doanh nghiệp

### **35. Tiểu luận 1**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(0, 60, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 1 giúp sinh viên thành thạo một số kỹ năng như: - Kỹ năng tư duy hiệu quả - Kỹ năng tổng hợp vấn đề - Kỹ năng phân tích - Đồng thời biết cách vận dụng các kiến thức thực tế và các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

### **36. Ngân hàng thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có



- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Ngân hàng thương mại là học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Ngân hàng thương mại, các nghiệp vụ của NHTM: huy động vốn, tín dụng, thanh toán qua NH, kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ thanh toán quốc tế...

### **37. Thực hành Tài chính doanh nghiệp 1**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành Tài chính doanh nghiệp 1 rèn luyện khả năng lập các kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp, kế hoạch khấu hao tài sản cố định, kế hoạch vốn lưu động của doanh nghiệp, lựa chọn phương án đầu tư, lập kế hoạch giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, báo cáo dòng tiền và khả năng phân tích tài chính trong DN

### **38. Thực hành ngân hàng thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành ngân hàng thương mại là học phần cung cấp kỹ năng về thực hành các nghiệp vụ Ngân hàng thương mại dưới hai góc độ: một là dưới góc độ một nhà tài chính doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ của ngân hàng, hai là dưới góc độ một nhân viên ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ của mình. Trang bị những kiến thức cập nhật những thủ tục, nguyên tắc của hệ thống ngân hàng thương mại đang được áp dụng phổ biến nhất tại Việt Nam

### **39. An sinh xã hội**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên nhận thức an sinh xã hội; hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; quá trình hình thành và phát triển; quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam

### **40. Thị trường chứng khoán**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế tổ chức hoạt động và giao dịch của thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ phát hành chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán. Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích trên thị trường chứng khoán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư và thủ tục thực hiện. Vận dụng kiến thức đã học vào công việc kinh doanh một cách có hiệu quả

#### **41. Bảo hiểm nhân thọ**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; quá trình hình thành và phát triển; các loại hình bảo hiểm nhân thọ cơ bản và nguyên lý của hoạt động bảo hiểm nhân thọ. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ do các công ty bảo hiểm nhân thọ chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam.

#### **42. Bảo hiểm phi nhân thọ**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Bảo hiểm phi nhân thọ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, pháp lý và thương mại của các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu như bảo hiểm hàng hải; bảo hiểm tài sản và kỹ thuật; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm sức khỏe và các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác trong DNBH phi nhân thọ.

#### **43. Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm trang bị cho sinh viên những kiến thức phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp bảo hiểm: mục đích, nội dung, phương pháp, hệ thống các chỉ tiêu và phân tích, đánh giá tình hình tài chính, phục vụ cho quá trình ra quyết định quản lý ở các doanh nghiệp bảo hiểm.

#### **44. Tài chính quốc tế**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh



tế với các nội dung về khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu, các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Phần III bao hàm các khía cạnh nghiên cứu chuyên sâu về sự vận động của tỷ giá và tác động của nó đến các lĩnh vực hoạt động kinh tế ngày nay.

#### **475 Bảo hiểm hàng hải**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức về bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm thân tàu biển, bảo hiểm tàu cá, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển và tàu cá hoạt động trong vùng nước nội thủy và vùng biển Việt Nam; nhằm giúp cho người học biết cách bảo vệ lợi ích của chủ tàu, chủ hàng và các bên có liên quan trong vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

#### **46. Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành Bảo hiểm nhân thọ là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, tính toán các chi phí và lập các hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ,...

#### **47. Bảo hiểm thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Bảo hiểm thương mại trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nguyên tắc bảo hiểm, quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các kỹ thuật xác định rủi ro của các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu như bảo hiểm hàng hải; bảo hiểm tài sản và kỹ thuật; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm hỏa hoạn; bảo hiểm xây dựng và lắp đặt; bảo hiểm trách nhiệm dân sự....

#### **48. Bảo hiểm xã hội**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Bảo hiểm xã hội trang bị cho người học những kiến thức về nội dung và khái niệm về bảo hiểm xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc (thai sản, ốm đau, hưu trí, tai nạn, tử tuất và thất nghiệp) và bảo hiểm tự nguyện, tài chính bảo hiểm và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội

#### **49. Quản trị kinh doanh bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45,90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức về quản trị kinh doanh Bảo hiểm: Quản trị nhân lực, quản trị bán hàng, quản trị sản phẩm...

#### **50. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 45,90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về pháp luật kinh doanh bảo hiểm bao gồm kiến thức chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm, Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm; pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bảo hiểm; Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm...

#### **51. Tài bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* : 3(39, 12, 45,90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài bảo hiểm trang bị cho người học những kiến thức về bản chất của tái bảo hiểm và những nguyên tắc pháp lý chi phối tái bảo hiểm, các quan hệ trong hợp đồng tái bảo hiểm, những lợi ích khác nhau của tái bảo hiểm và các nguyên tắc rủi ro về thảm họa

#### **52. Thực hành Bảo hiểm xã hội**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 45, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị khả năng thực hành thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội bao gồm chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chế độ nghỉ hưu, chế độ tử tuất và bảo hiểm thất nghiệp. Trang bị những kiến thức cập nhật những thủ tục, nguyên tắc, quy trình bảo hiểm và hồ sơ bảo hiểm xã hội theo luật bảo hiểm xã hội Việt Nam

#### **53. Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(0, 60, 60, 120)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận môn học 2 giúp sinh viên thành thạo một số kỹ năng như: - Kỹ năng tư duy hiệu quả - Kỹ năng tổng hợp vấn đề - Kỹ năng phân tích - Kỹ năng mô

hình hóa vấn đề - Đồng thời biết cách vận dụng các kiến thức thực tế và các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

#### **54. Quản trị rủi ro Bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: : 3(39, 12, 45,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các công ty bảo hiểm. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các định chế phi tài chính này, thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, hiệu quả

#### **55. Thực Tập Cuối Khóa**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0, 300, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực tập cuối khóa giúp sinh viên vận dụng lý thuyết và kiến thức tổng hợp các học phần thuộc ngành Bảo hiểm vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Ngân hàng...

#### **56. Khóa luận tốt nghiệp**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0, 540,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Tài chính ngân hàng.

#### **57. HPTT 1: Giám định bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: : 3(39, 12, 45,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Giám định bảo hiểm cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm xem xét, kết luận về tình trạng của đối tượng bảo hiểm, Căn cứ kết quả giám định (kết luận giám định) bên bảo hiểm sẽ quyết định việc chấp hành hay từ chối bảo hiểm, mức phí bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm phải đóng.

#### **59. HPTT 2: Đầu tư tài chính bảo hiểm**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: : 3(39, 12, 45,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần đầu tư tài chính bảo hiểm trang bị cho người học nắm được những quy tắc cơ bản của việc phân tích, định giá và ra quyết định đầu tư vào các loại tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh; từ góc độ đầu tư vào từng loại tài sản riêng lẻ đến đầu tư tạo thành các danh mục đầu tư tối ưu.

### 59. HPTT 3: Định phí bảo hiểm

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* : 3(39, 12, 45,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Định phí bảo hiểm là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác định phí bảo hiểm, dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm thương mại do các công ty bảo hiểm chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam.

## 12. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 12.1. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

#### 12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải,	



Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
	phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

### 11.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TDQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
KT1						x	x	x	x	x	x												
KT2	x	x	x																				
KT3				x																x			
KT4						x	x	x	x	x	x												
KT5						x	x	x	x	x	x												
KN1												x	x	x			x	x	x				
KN2												x	x	x			x	x	x				
KN3												x	x	x			x	x	x				
KN4												x	x	x			x	x	x				
KN5															x	x	x	x	x				
KN6					x																		
TCTN1																		x		x	x	x	x
TCTN2																		x		x	x	x	x
TCTN3																		x		x	x	x	x
TCTN4																		x		x	x	x	x

## 12.2. ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 12.2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	24,6%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	29	22,3%

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
<b>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</b>	<b>13</b>	<b>8,9%</b>	<b>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</b>	<b>12</b>	<b>9,23%</b>
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,05%	1. Triết học Mac-Lênin	3	2,31%
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,37%	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,54%
3. CNXH Khoa học	2	1,37%	3. CNXH Khoa học	2	1,54%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,37%	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,54%
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,37%	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,54%
6. Pháp luật đại cương	2	1,37%	5. Pháp luật đại cương	2	1,54%
<b>1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản</b>	<b>6</b>	<b>4,4%</b>	<b>1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản</b>	<b>8</b>	<b>6,15%</b>
1. Xác suất thống kê	3	2,2%	2. Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	1,54%
2. Toán ứng dụng trong kinh tế	2	2,2%	3. Toán cao cấp cho nhà kinh tế 2	3	2,31%
<b>1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ</b>	<b>16</b>	<b>10,9%</b>	<b>1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ</b>	<b>9</b>	<b>6,92%</b>
1. Tiếng Anh 1	4	2,7%	1. Ngoại ngữ	9	6,92%
2. Tiếng Anh 2	4	2,7%			
3. Tiếng Anh 3	4	2,7%			
4. Tiếng Anh 4	4	2,7%			
<b>2. Kỹ năng bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,1%</b>	<b>2. Kỹ năng bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,31%</b>
1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,7%	1. Tin học đại cương	3	2,31%
2. Kỹ năng nghề nghiệp - BH	1	0,7%			
3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,7%			
<b>3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>107</b>		<b>3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>88</b>	
<b>3.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>23</b>	<b>15,7%</b>	<b>3.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>21</b>	
1. Kinh tế vi mô	2	1,37%	1. Kinh tế vi mô 1	3	2,31%
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,37%	2. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,31%



Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
3.Pháp luật kinh tế	2	1,37%	3. Quản lý học 1	3	2,31%
4.Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,05%	4.Nguyên lý kế toán	3	2,31%
5.Kế toán doanh nghiệp	3	2,05%	5. Kinh tế lượng 1	3	2,31%
6.Tài chính - Tiền tệ	3	2,05%	6. Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	3	2,31%
9. Quản trị doanh nghiệp	3	2,05%	7. Quản trị kinh doanh 1	3	2,31%
8. Nguyên lý thống kê	2	1,37%			
<b>3.2 Kiến thức ngành</b>	<b>31</b>	<b>21,2%</b>	<b>3.2. Kiến thức ngành</b>	<b>39</b>	
			<b>3.2.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>27</b>	<b>20,8%</b>
7.Nguyên lý bảo hiểm	3	2,05%	2. Nguyên lý bảo hiểm	3	2,31%
2.Tiểu luận 1	2	1,37%			
3.Ngân hàng thương mại	3	2,05%			
4.Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05%	3. Bảo hiểm thương mại 1	3	2,31%
5.Thực hành: Ngân hàng thương mại	3	2,05%	4. Bảo hiểm xã hội 1	3	2,31%
6.Thị trường chứng khoán	3	2,05%	5. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	3	2,31%
			Quản lý bảo hiểm xã hội 1	3	2,31%
8.Tài chính quốc tế	3	2,05%	7. Tiếng anh ngành bảo hiểm	3	2,31%
9.Định giá tài sản	3	2,05%	8. Thống kê bảo hiểm	3	2,31%
14.Quản trị rủi ro bảo hiểm	3	2,05%	9. Quản trị rủi ro	3	2,31%
11.Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	2	1,37%	<b>3.2.2. Kiến thức tự chọn</b>	<b>12</b>	<b>9,23%</b>
			1.Xã hội học	2	1,54%
			2.Dân số và phát triển		
			3.Đạo đức và kinh doanh		
			4.Kinh tế và quản lý công nghiệp	2	1,54%
			5.Kinh tế nông nghiệp		

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
			6.Kinh tế thương mại		
1.Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05%	7.Tài chính doanh nghiệp	2	1,54%
10.Tài chính công	3	2,05%	8.Tài chính công		
			9.Kinh tế đầu tư		
			10.Khu vực công và quản lý công	2	1,54%
			11.Quản lý dịch vụ công		
			12.Quản lý chương trình và dự án		
			13.Quản trị nhân lực	2	1,54%
			14.Quản trị chiến lược		
			15.Marketing căn bản		
			16.Mô hình toán kinh tế	2	1,54%
			17.Kinh tế lượng 2		
			18.Tin học ứng dụng		
<b>3.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>39</b>	<b>26,71 %</b>	<b>3.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>28</b>	<b>21,54 %</b>
			<b>3.3.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>24</b>	<b>18,46 %</b>
1.Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05%			
2.Bảo hiểm thương mại	3	2,05%	1.Bảo hiểm thương mại 2	3	2,31%
3.Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,05%	2.Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2		
4.An sinh xã hội và luật an sinh xã hội	3	2,05%	An sinh xã hội	3	2,31%
			3.Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	1,54%
6.Bảo hiểm phi Nhân thọ	3	2,05%	4.Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,31%
7.Bảo hiểm hàng hải	3	2,05%	5.Chuyên đề Quản trị rủi ro	3	2,31%

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Kinh tế Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
			trong DN bảo hiểm		
8. Bảo hiểm xã hội	3	2,05%	6. Tái bảo hiểm	3	2,31%
9. Thực hành: Bảo hiểm xã hội	3	2,05%	7. Phân tích kinh doanh bảo hiểm	3	2,31%
			8. Giám định bảo hiểm	2	1,54%
11. Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05%	9. Đề án môn học – kinh tế bảo hiểm	2	1,54%
	3	2,05%	<b>3.3.2. Kiến thức tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>3,08%</b>
13. Tái bảo hiểm	3	2,05%	1. Chuyên đề Bảo hiểm thương mại	2	1,54%
7. Đầu tư tài chính	3	2,05%	2. Đầu tư trong bảo hiểm		
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,42%</b>	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	1,54%
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,16%</b>	4. Chuyên đề Bảo hiểm tiền gửi		
HPTT1: Giám định bảo hiểm	3	2,05%	5. Phân tích tài chính	2	1,54%
HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	2,05%	6. Chuyên đề Quản trị kinh doanh bảo hiểm		
HPTT3: Định phí bảo hiểm	3	2,05%	<b>Chuyên đề thực tập</b>	10	7,69%
<b>Tổng tín chỉ CTĐT</b>	<b>137</b>	<b>100%</b>	<b>Tổng tín chỉ CTĐT</b>	<b>130</b>	<b>100%</b>

12.2.2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Quốc tế- Đại học lao động – Xã hội

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36</b>	<b>24,6%</b>	<b>1. Kiến thức cơ bản, nền tảng rộng</b>		
<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>13</i>	<i>8,9%</i>	<i>1.1. Khoa học chính trị, pháp luật</i>	<i>13</i>	<i>10,74%</i>
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,05%	1. Triết học Mác - Lênin	3	2,48%

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)		
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,37%	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,65%
3. CNXH Khoa học	2	1,37%	3. Tư tưởng Hồ chí Minh	2	1,65%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,37%	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,65%
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,37%	5. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,65%
6. Pháp luật đại cương	2	1,37%	6. Pháp luật đại cương	2	1,65%
<b>1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản</b>	<b>6</b>	<b>4,4%</b>	<b>1.2. Khoa học tự nhiên</b>	<b>7</b>	<b>5,79%</b>
1. Xác suất thống kê	3	2,2%	2. Toán cao cấp 2	2	1,65%
2. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	2,2%	3. Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2,48%
<b>1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ</b>	<b>16</b>	<b>10,9%</b>	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>8</b>	<b>6,61%</b>
1. Tiếng Anh 1	4	2,7%	1. Tiếng Anh cơ bản 1	2	1,65%
2. Tiếng Anh 2	4	2,7%	2. Tiếng Anh cơ bản 2	3	2,48%
3. Tiếng Anh 3	4	2,7%	3. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	3	2,48%
4. Tiếng Anh 4	4	2,7%			
<b>2. Kỹ năng bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,1%</b>	<b>1.4 Tin học</b>	<b>4</b>	<b>3,31%</b>
1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,7%	1. Tin học cơ bản 1	2	1,65%
2. Kỹ năng nghề nghiệp - TCNH	1	0,7%	2. Tin học cơ bản 2	2	1,65%
3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,7%			
<b>3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>107</b>		<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		
<b>3.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>23</b>	<b>15,7%</b>	<b>2.1. Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>	<b>12</b>	<b>9,91%</b>
1. Kinh tế vi mô	2	1,37%	Kinh tế vi mô	3	2,48%
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,37%	Kinh tế vĩ mô	3	2,48%
3. Pháp luật kinh tế	2	1,37%	Nguyên lý thống kê	2	1,65%
4. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,05%	Luật kinh tế	2	1,65%

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)		
5.Kế toán doanh nghiệp	3	2,05%	Marketing căn bản	2	1,65%
6.Tài chính - Tiền tệ	3	2,05%			
9. Quản trị doanh nghiệp	3	2,05%			
8. Nguyên lý thống kê	2	1,37%			
<b>3.2 Kiến thức ngành</b>	<b>31</b>	<b>21,2%</b>	<b>2.2. Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>18</b>	<b>14,88%</b>
			<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>	<b>14</b>	<b>11,57%</b>
7.Nguyên lý bảo hiểm	3	2,05%	Quản trị rủi ro	2	1,65%
2.Tiểu luận 1	2	1,37%	Nguyên lý bảo hiểm	2	1,65%
3.Ngân hàng thương mại	3	2,05%	Nguyên lý tiền lương	2	1,65%
4.Thực hành: Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05%	Kinh tế đầu tư	2	1,65%
5.Thực hành: Ngân hàng thương mại	3	2,05%	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	2	1,65%
6.Thị trường chứng khoán	3	2,05%	Nhập môn an sinh xã hội	2	1,65%
			Nguyên lý kế toán 1	2	1,65%
8.Tài chính quốc tế	3	2,05%			
9.Định giá tài sản	3	2,05%			
14.Quản trị rủi ro bảo hiểm	3	2,05%			
11.Tiểu luận 2 (Kiến tập doanh nghiệp)	2	1,37%	<b>2.2.2. Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)</b>	<b>4</b>	
			Kinh tế lượng	2	1,65%
			Luật lao động		
			Điều tra xã hội học		
			Thẩm định dự án đầu tư	2	1,65%
			Thị trường chứng khoán		
1.Tài chính doanh nghiệp 1	3	2,05%	<b>2.3. Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>57</b>	<b>47,11%</b>
10.Tài chính công	3	2,05%	<b>2.3.1. Các học phần bắt buộc</b>	<b>37</b>	<b>30,57%</b>

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)		
			Tài chính bảo hiểm 1	2	1,65%
			Tài chính bảo hiểm 2	2	1,65%
			Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2	1,65%
			Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2	1,65%
			Bảo hiểm nhân thọ	2	1,65%
			Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	2	1,65%
			Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2	1,65%
			Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	1,65%
			Quản trị bảo hiểm xã hội	2	1,65%
			Bảo hiểm hưu trí	3	2,48%
<b>3.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>39</b>	<b>26,71%</b>	Bảo hiểm thất nghiệp	2	1,65%
			Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	3	2,48%
1. Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05%	Phân tích tài chính bảo hiểm	3	2,48%
2. Bảo hiểm thương mại	3	2,05%	Bảo hiểm y tế	2	1,65%
3. Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	3	2,05%	Tin học chuyên ngành 1	2	1,65%
4. An sinh xã hội và luật an sinh xã hội	3	2,05%	Thống kê bảo hiểm	2	1,65%
			Tin học chuyên ngành 2	2	1,65%
6. Bảo hiểm phi Nhân thọ	3	2,05%			
7. Bảo hiểm hàng hải	3	2,05%	<b>2.3.2. Các học phần tự chọn (Chọn 1 HP trong tổ hợp)</b>	10	8,26%
8. Bảo hiểm xã hội	3	2,05%	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	2	1,65%
9. Thực hành: Bảo hiểm xã hội	3	2,05%	Quản lý thu khối doanh nghiệp		
	3	2,05%	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	2	1,65%
11. Thực hành: Bảo hiểm nhân thọ	3	2,05%	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội		



Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Bảo hiểm)			Đại học Lao động - Xã hội (Ngành: Bảo hiểm)		
	3	2,05%	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	3	2,48%
13.Tái bảo hiểm	3	2,05%	Giám định bảo hiểm y tế		
7.Đầu tư tài chính	3	2,05%	Định phí bảo hiểm		
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,42%</b>	Giám định bồi thường bảo hiểm	2	1,65%
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,16%</b>	Quản lý đại lý bảo hiểm		
HPTT1: Giám định bảo hiểm	3	2,05%	Tái bảo hiểm	2	1,65%
HPTT2: Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	2,05%	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm		
HPTT3: Định phí bảo hiểm	3	2,05%	<b>Thực tập cuối khóa</b>	<b>4</b>	<b>3,31%</b>
			<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>6</b>	<b>4,96%</b>
			HPTT1: Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	2,48%
			HPTT2: Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	3	2,48%
<b>Tổng tín chỉ CTĐT</b>	<b>137</b>	<b>100%</b>	<b>Tổng tín chỉ CTĐT</b>	<b>121</b>	<b>100%</b>

### 13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

#### 13.1. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khó kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

### **13.2. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.

- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

**Chú ý:**

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

***TS. Trần Hoàng Long***